

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học, Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Thủy sản và Kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3611/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 2308/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1344/TTr-SNNMT ngày 03 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 15 thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học, Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Thủy sản và Kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa (có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH
TRONG LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH
HỌC, LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG
NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

Stt	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH		
I. Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học		
1	Thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia có toàn bộ diện tích thuộc địa bàn quản lý	Văn phòng UBND tỉnh
2	Công nhận di sản thiên nhiên cấp quốc gia có toàn bộ diện tích thuộc địa bàn quản lý	Văn phòng UBND tỉnh
3	Thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Văn phòng UBND tỉnh
4	Chuyển vị bảo tồn động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Văn phòng UBND tỉnh
5	Thu hồi Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp nhận được thông tin quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 22 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Văn phòng UBND tỉnh
II. Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm		
1	Tiếp nhận, xác lập lâm sản, động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	Sở Tài chính
2	Phê duyệt phương án xử lý lâm sản, động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Giao tài sản là gỗ, thực vật ngoài gỗ cho cơ quan quản lý chuyên ngành	Sở Nông nghiệp và Môi trường/Sở Tài chính
4	Giao, điều chuyển cho cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng đối với gỗ, thực vật ngoài gỗ không thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I, Phụ lục I CITES	Sở Nông nghiệp và Môi trường/Sở Tài chính

5	Thả động vật về môi trường tự nhiên	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý động vật
6	Chuyển giao động vật cho cơ quan quản lý chuyên ngành	Chi cục Kiểm lâm
III. Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư		
1	Tiếp nhận, xác lập loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	Sở Tài chính
2	Phê duyệt phương án xử lý loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP XÃ		
I. Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm		
1	Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với tổ chức	Ủy ban nhân dân cấp xã
2	Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân	Ủy ban nhân dân cấp xã

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC

1. Thủ tục: Thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia có toàn bộ diện tích thuộc địa bàn quản lý

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá (Số 35 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá).

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức điều tra, đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học, môi trường, kinh tế, văn hóa và xã hội vùng đất ngập nước dự kiến thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia;

Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường lập dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia;

Bước 3: Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng hồ sơ thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia lập hồ sơ tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư sinh sống hợp pháp trong hoặc tiếp giáp với vùng đất ngập nước nơi dự kiến thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia;

Bước 4: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng liên ngành và tổ chức thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia;

Bước 5: Sở Nông nghiệp và Môi trường lập hồ sơ đề nghị thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia

Bước 6: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi tiếp thu ý kiến của Hội đồng liên ngành;

Bước 7: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và ra Quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ trình Hội đồng thẩm định:

+ Văn bản đề nghị thành lập;

- + Dự thảo quyết định thành lập khu bảo tồn;
- + Dự án thành lập khu bảo tồn bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP;
- + Ý kiến của cộng đồng dân cư sinh sống hợp pháp trong hoặc tiếp giáp với vùng đất ngập nước dự kiến thành lập khu bảo tồn.
- *Hồ sơ trình ban hành:*
 - + Văn bản đề nghị thành lập khu bảo tồn đất ngập nước quốc gia;
 - + Dự thảo quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước quốc gia đã được hoàn thiện theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định và các bên liên quan;
 - + Dự án thành lập khu bảo tồn bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP đã được hoàn thiện theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định và các bên liên quan;
 - + Ý kiến của cộng đồng dân cư sinh sống hợp pháp trong hoặc tiếp giáp với vùng đất ngập nước dự kiến thành lập khu bảo tồn;
 - + Kết quả thẩm định và biên bản họp Hội đồng thẩm định liên ngành dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia theo Mẫu số 3.3 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 07/2020/TT-BTNMT ngày 31/8/2020 quy định chi tiết các nội dung tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan (nếu có).

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thành lập khu bảo tồn đất ngập nước cấp quốc gia có toàn bộ diện tích thuộc địa bàn quản lý.

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản nhận xét hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước theo Mẫu số 3.1 ban hành kèm theo Phụ lục III Thông tư số 07/2020/TT-BTNMT ngày

31/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết các nội dung tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước.

- Phiếu thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước theo Mẫu số 3.2 ban hành kèm theo Phụ lục III Thông tư số 07/2020/TT-BTNMT ngày 31/8/2020 quy định chi tiết các nội dung tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước.

- Biên bản họp hội đồng thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước theo Mẫu số 3.3 ban hành kèm theo Phụ lục III Thông tư số 07/2020/TT-BTNMT ngày 31/8/2020 quy định chi tiết các nội dung tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 13 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững đất ngập nước.

- Điều 45 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Phụ lục III Thông tư số 07/2020/TT-BTNMT ngày 31/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết các nội dung tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước.

- Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có

Mẫu số 3.1**Bản nhận xét hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước**

(Kèm theo Thông tư số 07/2020/TT-BTNMT ngày 31/8/2020 quy định chi tiết các nội dung tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN NHẬN XÉT HỒ SƠ DỰ ÁN THÀNH LẬP
KHU BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC ...(1)....**

- 1. Họ và tên người nhận xét:**
- 2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác:**
- 3. Nơi công tác** *(tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, E-mail):*
- 4. Tên dự án:**
- 5. Nhận xét về tính phù hợp và những yêu cầu cần chỉnh sửa bổ sung của hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước (1) theo các nội dung:**
 - a) Mục đích bảo tồn đa dạng sinh học của khu bảo tồn;
 - b) Mức độ đáp ứng tiêu chí thành lập khu bảo tồn;
 - c) Vị trí địa lý, ranh giới, diện tích khu bảo tồn, các phân khu chức năng và vùng đệm của khu bảo tồn;
 - d) Kế hoạch quản lý khu bảo tồn;
 - đ) Tổ chức quản lý khu bảo tồn;
 - e) Ý kiến của các bên liên quan *(chính quyền địa phương nơi thành lập khu bảo tồn, cộng đồng dân cư sinh sống trong, tiếp giáp hoặc có hoạt động tại khu vực thành lập khu bảo tồn...)*.
- 6. Những nhận xét khác:**
 - a) Về hồ sơ dự án *(thành phần và chất lượng hồ sơ)*.
 - b) Về thông tin, số liệu sử dụng trong hồ sơ dự án.
 - c) Về cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý, độ tin cậy, tính logic của các đánh giá, kết luận nêu trong dự án thành lập khu bảo tồn.
 - d) Các nhận xét khác theo nội dung hồ sơ dự án.
- 7. Kết luận và đề nghị** *(nêu rõ 03 mức độ: đạt yêu cầu; đạt yêu cầu với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; Không đạt yêu cầu và phải hoàn thiện hồ sơ để thẩm định lại).*

....(2)...., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI NHẬN XÉT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên của khu bảo tồn đất ngập nước và địa chỉ ranh giới hành chính nơi thành lập khu bảo tồn;
- (2) Địa danh nơi ghi nhận xét.

Mẫu số 3.2**Phiếu thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước**

(Kèm theo Thông tư số 07/2020/TT-BTNMT ngày 31/8/2020 quy định chi tiết các nội dung tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước)

...(1)... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Được đóng dấu treo của cơ
quan tổ chức thẩm định hoặc cơ
quan được giao tổ chức thẩm
định (1))

PHIẾU THẨM ĐỊNH**HỒ SƠ DỰ ÁN THÀNH LẬP KHU BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC...(2)**

1. Họ và tên:
2. Nơi công tác: *tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, E-mail*
3. Lĩnh vực chuyên môn: *chỉ ghi tối đa hai (02) lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm nhất và liên quan đến việc thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn*
4. Chức danh trong hội đồng thẩm định:
5. Quyết định số....ngày ... tháng ... năm ... của về thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước ...
6. Tên dự án:
7. Ý kiến thẩm định về báo cáo dự án

TT	Nội dung thẩm định	Kết quả thẩm định		Yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung
		<i>Đạt</i>	<i>Không đạt</i>	
1	Mục đích bảo tồn đa dạng sinh học của khu bảo tồn			
2	Mức độ đáp ứng tiêu chí thành lập khu bảo tồn			
3	Vị trí địa lý, ranh giới, diện tích khu bảo tồn, các phân khu chức năng và vùng đệm của khu bảo tồn			
4	Kế hoạch quản lý khu bảo tồn			
5	Tổ chức quản lý khu bảo tồn			
6	Ý kiến của các bên liên quan (chính quyền địa phương nơi thành lập khu bảo tồn, cộng đồng dân cư sinh sống trong, tiếp giáp hoặc			

	có hoạt động tại khu vực thành lập khu bảo tồn...)			
--	--	--	--	--

8. Kết quả thẩm định: *lựa chọn bằng cách chỉ đánh dấu x (vào một ô vuông) theo 01 trong 03 mức dưới đây và ký tên vào bên cạnh ô vuông được lựa chọn:*

- Đạt yêu cầu: ☐
- Đạt yêu cầu với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: ☐
- Không đạt yêu cầu: ☐

9. Kiến nghị:

....(3)...., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI VIẾT PHIẾU THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan tổ chức thẩm định.
- (2) Tên của khu bảo tồn đất ngập nước.
- (3) Địa danh nơi họp.

Mẫu số 3.3**Biên bản họp hội đồng thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước**

(Kèm theo Thông tư số 07/2020/TT-BTNMT ngày 31/8/2020 quy định chi tiết các nội dung tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 66/2019/NĐ-CP ngày 29/7/2019 của Chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ ÁN THÀNH LẬP
KHU BẢO TỒN ĐẤT NGẬP NƯỚC...(1)...**

Tên cuộc họp: *Họp hội đồng thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước...(1)...*

Quyết định số....ngày ... tháng ... năm ... của...(2)..... về thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước ...(1)

Thời gian họp: ngày ... tháng ... năm ...

Địa chỉ nơi họp: ...

1. Thành phần tham dự phiên họp:**1.1. Hội đồng thẩm định**

- Thành viên có mặt: *(chỉ nêu số lượng thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên trong quyết định thành lập hội đồng, ví dụ: 7/9);*

- Thành viên vắng mặt: *(ghi số lượng kèm theo họ tên, chức danh trong hội đồng của các thành viên vắng mặt, lý do vắng mặt).*

1.2. Cơ quan xây dựng dự án: *(ghi rõ họ, tên, chức vụ tất cả các thành viên của cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng hồ sơ dự án tham dự họp).*

1.3. Đại biểu tham dự *(nếu có):*

2. Nội dung và diễn biến phiên họp: *(yêu cầu ghi theo trình tự diễn biến của phiên họp hội đồng, ghi đầy đủ, trung thực các câu hỏi, trả lời, các ý kiến trao đổi, thảo luận của các bên tham gia phiên họp hội đồng thẩm định); dự kiến bao gồm các nội dung sau:*

2.1. Cơ quan tổ chức hội đồng thẩm định thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần tham dự; chủ tịch hội đồng điều hành phiên họp.

2.2. Chủ tịch hội đồng đề cử thư ký hội đồng và thống nhất ý kiến trong hội đồng.

2.3. Cơ quan xây dựng dự án trình bày nội dung dự án thành lập khu bảo tồn: *(ghi những nội dung chính được trình bày, đặc biệt chú trọng vào các nội dung trình bày khác so với hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước).*

2.4. Thảo luận, trao đổi giữa thành viên hội đồng với đơn vị xây dựng hồ sơ dự án thành lập khu bảo tồn về nội dung của hồ sơ: *(ghi chi tiết và đầy đủ các nội dung trao đổi).*

2.5. Ý kiến nhận xét về báo cáo của các thành viên hội đồng.

2.6. Ý kiến của các đại biểu tham dự *(nếu có).*

2.7. Ý kiến phản hồi của đơn vị xây dựng hồ sơ dự án và đại diện của địa phương nơi thành lập khu bảo tồn.

3. Kết luận của hội đồng

3.1. Chủ tịch hội đồng công bố kết luận của hội đồng thẩm định: *(được tổng hợp trên cơ sở ý kiến của các thành viên hội đồng thẩm định, trong đó tóm tắt ngắn gọn những ưu điểm nổi trội, những nội dung đạt yêu cầu của hồ sơ, những nội dung của báo cáo, hồ sơ cần phải được chỉnh sửa, bổ sung).*

3.2. Ý kiến khác của các thành viên hội đồng thẩm định *(nếu có)*:

3.3. Ý kiến đại diện của địa phương nơi thành lập khu bảo tồn về kết luận của hội đồng:

3.4. Kết quả kiểm phiếu thẩm định:

- Số phiếu đạt yêu cầu:

- Số phiếu đạt yêu cầu với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung:

- Số phiếu không đạt yêu cầu:

3.5. Kết luận của hội đồng

- Đạt yêu cầu: ☐

- Không đạt yêu cầu: ☐

Các yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung *(nếu có)*:

Chủ tịch hội đồng tuyên bố kết thúc phiên họp vào lúc... giờ... phút,
ngày.... tháng ... năm....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi họ tên)

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi họ tên)

Ghi chú: Chủ tịch hội đồng và thư ký hội đồng ký phía dưới của từng trang biên bản (trừ trang cuối).

(1) Tên khu bảo tồn đất ngập nước

(2) Tên, chức danh và cơ quan người ra quyết định thành lập hội đồng thẩm định

2. Thủ tục: Công nhận di sản thiên nhiên cấp quốc gia có toàn bộ diện tích thuộc địa bàn quản lý

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá (Số 35 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá).

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức điều tra, đánh giá khu vực dự kiến xác lập di sản thiên nhiên khác.

Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng dự án xác lập di sản thiên nhiên.

Bước 3: Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lấy ý kiến và tham vấn cộng đồng về dự án xác lập di sản thiên nhiên.

Bước 4: Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định hồ sơ dự án xác lập di sản thiên nhiên.

Bước 5: Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện hồ sơ dự án xác lập di sản thiên nhiên

Bước 6: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét công nhận di sản thiên nhiên cấp quốc gia.

Bước 7: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và ra quyết định công nhận di sản thiên nhiên cấp quốc gia.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Báo cáo dự án xác lập di sản thiên nhiên khác theo Mẫu số 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan đối với dự án xác lập di sản thiên nhiên.

- Văn bản đề nghị thẩm định dự án xác lập di sản thiên nhiên khác theo Mẫu số 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BTNMT ngày

19/6/2025 của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

b) *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan (nếu có).

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, công nhận di sản thiên nhiên cấp quốc gia.

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị thẩm định dự án xác lập di sản thiên nhiên theo Mẫu số 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BTNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Báo cáo dự án xác lập di sản thiên nhiên theo Mẫu số 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 20 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.
- Điều 19 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Điều 13 Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có

Mẫu số 14**Báo cáo dự án xác lập di sản thiên nhiên**

(Kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học)

(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc-----
Số: /BC-(3)

(Địa danh), ngàytháng...năm.....

BÁO CÁO**DỰ ÁN XÁC LẬP DI SẢN THIÊN NHIÊN (4)****Mở đầu****Chương 1. Sự cần thiết xác lập di sản thiên nhiên****Chương 2. Hiện trạng khu vực dự kiến xác lập di sản thiên nhiên**

- Tóm tắt điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội khu vực dự kiến xác lập di sản thiên nhiên;
- Hiện trạng các hệ sinh thái; các loài nguy cấp, quý, hiếm; các loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; các loài hoang dã khác; cảnh quan thiên nhiên, giá trị văn hóa, lịch sử, nét đẹp độc đáo của tự nhiên và các dịch vụ hệ sinh thái quan trọng nơi dự kiến xác lập di sản thiên nhiên;
- Tình trạng quản lý, bảo tồn khu vực dự kiến xác lập di sản thiên nhiên;
- Các mối đe dọa đến khu vực dự kiến xác lập di sản thiên nhiên;
- Phương án sử dụng đất tại khu vực dự kiến xác lập di sản thiên nhiên.

Chương 3. Đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí xác lập di sản thiên nhiên

- Mô tả các tiêu chí đáp ứng di sản thiên nhiên theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 hoặc khoản 2, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Mục đích xác lập di sản thiên nhiên.

Chương 4. Xác lập ranh giới và phân vùng di sản thiên nhiên

- Mô tả và trích lục bản đồ, vị trí địa lý, diện tích khu vực dự kiến xác lập di sản thiên nhiên;
- Mô tả vùng lõi: vị trí địa lý, diện tích và ranh giới của vùng lõi khu vực dự kiến xác lập di sản thiên nhiên; chức năng của vùng lõi; phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, các giá trị đáp ứng tiêu chí di sản thiên nhiên tại vùng lõi;
- Mô tả vùng đệm (nếu có): vị trí địa lý, diện tích, ranh giới vùng đệm khu vực dự kiến xác lập di sản thiên nhiên; chức năng của vùng đệm và các quy định quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

- Mô tả vùng chuyển tiếp (nếu có): vị trí địa lý, diện tích, ranh giới vùng chuyển tiếp khu vực dự kiến xác lập di sản thiên nhiên; chức năng của vùng chuyển tiếp và các quy định quản lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

Chương 5. Định hướng quản lý, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên

Nêu rõ các nội dung về hoạt động quản lý, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên sau khi được xác lập, công nhận, cụ thể:

- Các hoạt động quản lý, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên;
- Đề xuất chương trình phục hồi môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;
- Tổ chức quản lý di sản thiên nhiên (mô hình tổ chức quản lý, nguồn lực quản lý, cơ chế quản lý, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức quản lý...);
- Nguồn kinh phí thực hiện quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên.

Kết luận

Tài liệu tham khảo

Phụ lục

Liệt kê các văn bản, tài liệu đính kèm:

- Các bản đồ hiện trạng khu vực xác lập di sản thiên nhiên; ranh giới vùng lõi, vùng đệm di sản thiên nhiên, các hệ sinh thái tự nhiên, phân bố các loài nguy cấp quý hiếm;
- Danh mục các loài động, thực vật khu vực xác lập di sản thiên nhiên;
- Dự thảo Kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên;
- Dự thảo Quy chế quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên.

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan xây dựng báo cáo
- (2) Tên cơ quan xây dựng báo cáo
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan xây dựng báo cáo
- (4) Tên di sản thiên nhiên và địa điểm

Mẫu số 15**Văn bản đề nghị thẩm định dự án xác lập di sản thiên nhiên**

(Kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BTNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học)

Cơ quan chủ quản của (1)

Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

V/v đề nghị thẩm định dự án xác
lập di sản thiên nhiên... (2)

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: (3)

Thực hiện Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số/2025/TT-BNNMT ngày tháng ... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (1) đã phối hợp với các bên liên quan lập dự án xác lập di sản thiên nhiên (2).

(1) kính gửi (3) xem xét, thẩm định báo cáo dự án xác lập di sản thiên nhiên (2).

Hồ sơ gửi thẩm định dự án xác lập di sản thiên nhiên được gửi kèm theo công văn gồm:

- (4) báo cáo dự án xác lập di sản thiên nhiên (2), kèm theo bản sao văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan đối với dự án xác lập di sản thiên nhiên.
- Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan có liên quan đối với dự án xác lập di sản thiên nhiên (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: ...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,

dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên**Ghi chú:**

- (1) tên cơ quan gửi hồ sơ thẩm định;
- (2) Tên và địa danh khu vực xác lập di sản thiên nhiên;
- (3) Cơ quan ra quyết định tổ chức thẩm định dự án xác lập di sản thiên nhiên;
- (4) Số lượng báo cáo dự án xác lập di sản thiên nhiên.

3. Thủ tục: Thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá (Số 35 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá).

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Lập biên bản. Sở Nông nghiệp và Môi trường tiến hành lập biên bản thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen đã được cấp, trong đó nêu rõ căn cứ, lý do thu hồi.

Bước 2: Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành quyết định thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen.

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập hồ sơ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office).

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Báo cáo lý do thu hồi (kèm theo biên bản thu hồi);
- Dự thảo Quyết định thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen.
- Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan (nếu có).

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen.

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Quyết định thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép tiếp cận nguồn gen bị thu hồi khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện một trong các trường hợp sau:

- Tổ chức, cá nhân đã cung cấp thông tin giả mạo để được cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen;
- Hoạt động tiếp cận và sử dụng nguồn gen gây hại con người, môi trường, an ninh, quốc phòng và lợi ích quốc gia của Việt Nam;
- Tiến hành hoạt động tiếp cận và sử dụng nguồn gen ngoài phạm vi được cấp phép;
- Các trường hợp vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 59 Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008.
- Điều 18 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;
- Điều 46 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;
- Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có

Mẫu số 11**Quyết định thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen**

(Kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học)

ỦY BAN NHÂN DÂN
(CẤP TỈNH)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....

(Địa danh), ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi Quyết định cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN (CẤP TỈNH) ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

Theo đề nghị của (tên cơ quan thường trực thẩm định).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh... về việc cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen. (Tên tổ chức, cá nhân) đã được cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen tại Quyết định số ... phải chấm dứt ngay hoạt động tiếp cận nguồn gen tại Việt Nam và thực hiện các nghĩa vụ sau:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng (tên cơ quan thường trực thẩm định), và ... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã.....;
- Lưu: V ,....

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

4. Thủ tục: Chuyển vị bảo tồn động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá (Số 35 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá).

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Xây dựng phương án

Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng phương án chuyển vị bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh nơi thực hiện hoạt động chuyển vị bảo tồn;

Bước 2: Xử lý đề nghị

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phương án chuyển vị bảo tồn, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt phương án theo Mẫu số 14 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh tham vấn cơ quan khoa học và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo trình tự như sau:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phương án chuyển vị, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi văn bản tham vấn đến cơ quan khoa học CITES, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh nơi tiếp nhận trong trường hợp nơi tiếp nhận chuyển vị loài được ưu tiên bảo vệ thuộc tỉnh khác.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan khoa học CITES và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả tham vấn, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án chuyển vị hoặc từ chối phê duyệt, nêu rõ lý do bằng văn bản.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office).

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Phương án chuyển vị bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp không tham vấn: 07 ngày làm việc.
- Trường hợp tham vấn: 21 ngày làm việc.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan khoa học CITES, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan (nếu có).

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Phê duyệt Phương án chuyển vị theo Mẫu số 14 Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4.8. Phí, lệ phí: Không.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phương án chuyển vị bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Mẫu số 13 ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Quyết định phê duyệt Phương án chuyển vị bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Mẫu số 14 ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;
- Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có

Mẫu số 13

Phương án chuyển vị bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ
(Kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý,
hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế
các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHUYỂN VỊ BẢO TỒN
LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM ĐƯỢC ƯU TIÊN BẢO VỆ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

1. Thông tin đơn vị thực hiện hoạt động chuyển vị bảo tồn:
- Tên:
 - Địa chỉ:
 - Người đại diện theo pháp luật:
 - Điện thoại:
2. Thông tin đơn vị dự kiến tiếp nhận loài được chuyển vị bảo tồn:
- Tên:
 - Địa chỉ:
 - Người đại diện theo pháp luật:
 - Điện thoại:
3. Hiện trạng số lượng loài và tình trạng loài dự kiến chuyển vị bảo tồn:

TT	Tên loài		Số lượng cá thể đề nghị chuyển vị					Tổng số lượng cá thể	Kích thước, tình trạng cá thể	Ghi chú
	Tên tiếng Việt	Tên khoa học	Cá thể đực	Cá thể cái	Cá thể Non	Cá thể già	Cá thể trưởng thành			
1										
2										
...										
Tổng cộng										

4. Mô tả địa điểm, đặc điểm hệ sinh thái, quần thể sinh vật nơi tiếp nhận loài chuyển vị bảo tồn:
5. Mô tả chi tiết phương pháp đánh dấu cá thể loài phục vụ hoạt động theo dõi, giám sát loài (*dùng thẻ, chip điện tử, cắt tai, cắt vẩy...*) (nếu có).
6. Mô tả phương pháp theo dõi và giám sát sau khi tiến hành hoạt động chuyển vị.

7. Mô tả các rủi ro dự kiến và các biện pháp xử lý rủi ro:

- Các rủi ro đối với môi trường tự nhiên (nếu có) và các biện pháp phòng, chống rủi ro;
- Các rủi ro đối với an toàn của con người và vật nuôi khác (nếu có) và các biện pháp phòng chống rủi ro;
- Các rủi ro về dịch bệnh và các biện pháp phòng chống dịch bệnh;
- Các rủi ro khi động vật thoát khỏi chuồng khi vận chuyển tới nơi tiến hành hoạt động chuyển vị hoặc bị đánh cắp; mô tả các biện pháp phòng, chống động vật thoát ra ngoài môi trường tự nhiên tại khu vực không phải là khu vực phân bố tự nhiên của loài;
- Đánh giá khả năng tái hòa nhập quần thể của cá thể chuyển giao và giải pháp xử lý trường hợp không thể hòa nhập quần thể tại khu vực tiếp nhận phân bố của loài:

Địa điểm ... , ngày tháng ... năm ...

Đại diện Sở Nông nghiệp và Môi trường

(Ghi rõ họ, tên, chức vụ của người đại diện và đóng dấu)

Mẫu số 14

**Quyết định phê duyệt Phương án chuyển vị bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm
được ưu tiên bảo vệ**

(Kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ...**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án chuyển vị bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học năm;

Căn cứ

Căn cứ Nghị định số/20..../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

Theo đề nghị của....(1)..... tại Văn bản số/..... ngày tháng năm.....của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án chuyển vị bảo tồn đối với loài được ưu tiên bảo vệ nội dung sau:

1. Tên và địa chỉ của đơn vị thực hiện hoạt động chuyển vị bảo tồn:
2. Mô tả địa điểm nơi triển khai hoạt động chuyển vị bảo tồn (*Phân khu, khoảnh, lô, ...; đặc điểm hệ sinh thái nơi tiến hành hoạt động chuyển vị*)
3. Danh sách loài, số lượng loài và tình trạng loài tiếp nhận thực hiện hoạt động chuyển vị bảo tồn

[illegible]

2										
...										
Tổng										

4. Phương pháp đánh dấu cá thể loài phục vụ hoạt động theo dõi, giám sát loài (dung thể, chip điện tử, cắt tai, cắt vây) (nếu có).

5. Phương pháp theo dõi và giám sát loài sau khi tiến hành hoạt động chuyển vị bảo tồn.

6. Các biện pháp xử lý rủi ro (nếu có).

Điều 2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận và chuyển giao

1. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận

2. Trách nhiệm của đơn vị chuyển giao

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố (nơi tiến hành hoạt động chuyển vị) hướng dẫn(tên đơn vị tiếp nhận) thực hiện đúng nội dung Phương án chuyển vị bảo tồn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Giám đốc Sở, đơn vị (thực hiện hoạt động chuyển vị và tiếp nhận loài chuyển vị) được nêu tại Điều 1, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đề b/c);
- Lưu VT,

Địa điểm ... , ngày tháng ... năm ...

Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố

(Ghi rõ họ, tên, chức vụ của người đại diện và đóng dấu)

5. Thủ tục: Thu hồi Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp nhận được thông tin quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 22 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

5.1. Trình tự thực hiện:

a) *Thời gian thực hiện:* Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) *Địa điểm thực hiện:* Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá (Số 35 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá).

c) *Trình tự thực hiện:*

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 22 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức xác minh thông tin và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định hồi Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo Mẫu số 25 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường và thông báo trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, Chủ cơ sở phải chuyển giao các loài động vật nuôi đến cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đủ điều kiện theo quy định của Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường và lập biên bản giao nhận theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office).

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời gian xác minh thông tin: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin.

- Thời gian chuyển giao các loài động vật nuôi đến cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đủ điều kiện: 30 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan (nếu có).

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định hồi Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo Mẫu số 25 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5.8. Phí, lệ phí: Không.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Quyết định hồi Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo Mẫu số 25 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Biên bản giao nhận theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;
- Điều 22 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có

Mẫu số 25

Quyết định hồi Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học
(Kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý,
hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế
các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

(Địa danh), ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học năm 2008;

Căn cứ Nghị định số/20..../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số/TTr-STNMT ngày tháng năm.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành ... về việc cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học. (Tên tổ chức, cá nhân) đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học tại Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành ... dừng các hoạt động đã đăng ký cấp giấy chứng nhận tại cơ sở và thực hiện các nghĩa vụ sau:

.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ cơ sở được nêu tại Điều 1, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- Lưu VT,

CHỦ TỊCH

Mẫu số 06**Giao nhận loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ**

(Kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp)

.....
 (1)

Số:/BB-GNĐV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN**GIAO NHẬN LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM ĐƯỢC ƯU TIÊN BẢO VỆ**

Căn cứ: (2)

Hôm nay, hồi giờ..... phút, ngày / /20 tại:

1. Chúng tôi gồm**a) Đại diện bên giao**

1. Đối với cá nhân:

Họ và tên:

Số, ngày cấp, nơi cấp Căn cước công dân/ Căn cước/Căn cước điện tử/ /Hộ chiếu/Mã định danh

cá nhân:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

2. Đối với tổ chức:

Tên tổ chức:

Họ và tên người đại diện

Chức vụ:

Địa chỉ tổ chức:

Số điện thoại:

b) Đại diện bên nhận

Tên tổ chức;

Số đăng ký hoạt động:

Họ và tên người đại diện

Chức vụ:

Địa chỉ tổ chức:

Số điện thoại:

c) Người chứng kiến (nếu có)

1. Họ và tên:

Địa chỉ:

Số, ngày cấp, nơi cấp Căn cước công dân/Căn cước/Căn cước điện tử /Hộ chiếu/Mã định danh cá nhân:.....

Số điện thoại:

2. Loài giao nhận cụ thể như sau:

TT	Tên loài		Giới tính (nếu có)	Đơn vị Tính	Số lượng	Trọng lượng	Kích thước	Tình trạng của loài (3)	Ghi chú
	Tên tiếng Việt	Tên khoa học							
1									
2									
3									
...									

Hồ sơ, tài liệu kèm theo (nếu có);

3. Mục đích giao nhận: (4)

4. Trách nhiệm của các bên:(5)

a) Trách nhiệm của bên giao:

b) Trách nhiệm của bên nhận:

Biên bản này được lập xong hồi... giờ... phút cùng ngày, gồm tờ, được lập thành bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên; mỗi bên giữ một bản để thực hiện và lưu hồ sơ./.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chuyển giao; trường hợp tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp thì ghi tên cơ quan tiếp nhận động vật.

(2) Ghi căn cứ hoặc lý do để thực hiện việc giao/nhận; ví dụ căn cứ quyết định tạm giữ tang vật hoặc quyết định xử lý vật chứng hoặc đơn, thông báo của tổ chức cá nhân tự nguyện giao nộp động vật cho nhà nước.

(3) Ghi tình trạng sức khỏe đối với động vật còn sống; tình trạng của bộ phận cơ thể, sản phẩm của động vật.

(4) Ghi cụ thể mục đích, lý do giao/nhận.

(5) Ghi trách nhiệm của 2 bên về việc quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc, xử lý động vật chuyển giao.

II. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM

1. Thủ tục: Tiếp nhận, xác lập lâm sản, động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm thực hiện: Sở Tài chính tỉnh Thanh Hoá (Số 01A15 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá).

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp, tiếp nhận hồ sơ

Chủ sở hữu thông báo tới: Cơ quan Kiểm lâm sở tại; kèm theo hồ sơ, giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với thực vật, động vật tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

Cơ quan Kiểm lâm sở tại lập Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

Bước 2: Xây dựng hồ sơ

Trường hợp xác định việc tiếp nhận tài sản chuyển giao là phù hợp với quy định của pháp luật thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày tiếp nhận tài sản và các hồ sơ, tài liệu liên quan, Cơ quan Kiểm lâm sở tại có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP báo cáo, đề xuất Chi cục Kiểm lâm; Chi cục Kiểm lâm báo cáo, đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Sở Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: Bản chính.
- Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.
- Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, giá trị của tài sản chuyển giao và hình thức chuyển giao (nếu có): Bản sao.

Bước 3: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại bước 2 này, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập 01 bộ hồ sơ trình Sở Tài chính xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, hồ sơ gồm:

- Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: Bản chính; kèm theo dự thảo Quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản tại Mẫu số 01-QĐXL ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP;

- Hồ sơ quy định tại bước 2 mục này: Bản sao.

Bước 4: Quyết định phê duyệt

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính xem xét quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ tại Cơ quan Kiểm lâm sở tại/Chi cục Kiểm lâm, gồm:
 - + Văn bản đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: Bản chính.
 - + Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.
 - + Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, giá trị của tài sản chuyển giao và hình thức chuyển giao (nếu có): Bản sao.
- Hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường gồm:
 - + Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: Bản chính;
 - + Dự thảo Quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản tại Mẫu số 01-QĐXL ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP;
 - + Hồ sơ quy định tại bước 2 điểm c mục 1.1: Bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan Kiểm lâm sở tại.
- Chi cục Kiểm lâm.
- Sở Nông nghiệp và Môi trường.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài chính.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp: Không.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

- Quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 01-QĐXL ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 43 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

- Điều 21 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

- Điều 5 Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; quy định tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có

Mẫu số 22**Biên bản bàn giao, tiếp nhận thực vật/động vật/thủy sản**

(Kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)

.....

 Số: /BB-BGTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN**Bàn giao, tiếp nhận thực vật rừng/động vật rừng/thủy sản**

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-BNNMT ngày .../.../2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ (1)

Hôm nay, hồi..... giờ phút, ngày/...../20....., tại:

1. Chúng tôi gồm:**a) Đại diện bên giao:**

1. Họ và tên: Chức vụ:

Địa chỉ cá nhân:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Cơ quan, đơn vị:

Địa chỉ cơ quan, đơn vị:

2. Họ và tên: Chức vụ:

Cơ quan, đơn vị:

b) Đại diện bên nhận:

1. Họ và tên: Chức vụ:

Cơ quan, đơn vị:

Địa chỉ cơ quan, đơn vị:

2. Họ và tên: Chức vụ:

Cơ quan, đơn vị:

c) Người chứng kiến (nếu có):

1. Họ và tên: Chức vụ:

Địa chỉ cá nhân:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

2. Tài sản bàn giao, tiếp nhận:

TT	Tên thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản giao nhận (bao gồm cá thể hoặc sản phẩm của chúng)		Nhóm loài	Giới tính (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng hoặc trọng lượng	Kích thước	Tình trạng của thực vật, động vật rừng, thủy sản	Ghi chú
	Tên tiếng việt/tên thương mại	Tên khoa học							
1									
2									

Hồ sơ, tài liệu kèm theo (nếu có):

3. Mục đích giao nhận(4):

4. Trách nhiệm của các bên(5):

a) Trách nhiệm của bên giao:.....

b) Trách nhiệm của bên nhận:.....

Biên bản này lập hồi... giờ... phút cùng ngày, gồm tờ, được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên; mỗi bên giữ một bản để thực hiện và lưu hồ sơ./.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi căn cứ hoặc lý do để thực hiện việc giao/nhận; ví dụ căn cứ quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, thông báo của chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước.
- (2) Nhóm IB hoặc IIB hoặc Phụ lục I hoặc Phụ lục II Công ước CITES hoặc động vật rừng thông thường.
- (3) Ghi tình trạng sức khỏe đối với thực vật, động vật rừng, thủy sản còn sống; tình trạng vệ sinh môi trường đối với sản phẩm của động vật rừng, thủy sản.
- (4) Ghi cụ thể mục đích, lý do giao/nhận.
- (5) Ghi trách nhiệm của 2 bên về việc bảo quản, quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc, xử lý.

Mẫu số 01- QĐXL
Quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản
*(Kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định
thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản
được xác lập quyền sở hữu toàn dân)*

(1)
(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...⁽³⁾ ngày tháng năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản⁽⁴⁾

.....⁽⁵⁾

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của⁽²⁾;

Theo đề nghị của⁽⁶⁾.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với các tài sản sau đây:

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Giá trị tài sản (nếu có)	Năm sử dụng (nếu có) ⁽⁷⁾	Tình trạng tài sản

Nguồn gốc tài sản:⁽⁸⁾

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

.....⁽⁹⁾ có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cơ quan tài chính nơi có tài sản⁽¹⁰⁾;
- Lưu:

.....⁽⁴⁾
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan cấp trên (nếu có).
- (2) Tên cơ quan của người ra Quyết định.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan của người ra Quyết định.
- (4) Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân không đồng thời là cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản và đơn vị chủ trì quản lý tài sản không đồng thời là cơ quan có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thì việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản được thực hiện theo Mẫu số 01-QĐXL này.
- (5) Chức danh của người ra Quyết định.
- (6) Tên đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản trình.
- (7) Năm tài sản đưa vào sử dụng.
- (8) Ghi rõ nguồn gốc của tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 3 Nghị định số...../2025/NĐ-CP.
- (9) Tên các cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.
- (10) Ghi Sở Tài chính nơi có tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân (trường hợp cơ quan của người ra Quyết định là cơ quan trung ương hoặc cấp tỉnh); Phòng Tài chính - kế hoạch nơi có tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân (trường hợp cơ quan của người ra Quyết định là cơ quan cấp huyện).

2. Thủ tục: Phê duyệt phương án xử lý lâm sản, động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước

2.1. Trình tự thực hiện:

a) *Thời gian thực hiện:* Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) *Địa điểm thực hiện:* Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hoá (Số 49 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá).

c) *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Xây dựng hồ sơ

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản cơ quan Kiểm lâm sở tại xây dựng 01 bộ hồ sơ báo cáo, đề xuất phương án xử lý tài sản, gửi Chi cục Kiểm lâm, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: Bản chính;

- Phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: Bản chính;

- Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: Bản sao;

- Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): Bản chính.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): Bản sao.

Bước 2: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chi cục Kiểm lâm lập 01 bộ hồ sơ xử lý tài sản để trình Sở Nông nghiệp và Môi trường, hồ sơ gồm:

- Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân: Bản chính;

- Phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: Bản chính;

- Hồ sơ quy định tại bước 1 mục này: Bản sao.

Bước 3: Quyết định phê duyệt

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ cơ quan tiếp nhận tài sản, gồm:

+ Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: Bản chính;

+ Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: Bản chính;

+ Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: Bản sao;

+ Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): Bản chính;

+ Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): Bản sao.

- Hồ sơ của cơ quan thẩm định, gồm:

+ Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản công về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: Bản chính;

+ Phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân lập theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: Bản chính;

+ Hồ sơ quy định tại bước 1 điểm c mục 2.1: Bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan Kiểm lâm sở tại.

- Chi cục Kiểm lâm.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề xuất phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

- Phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 47 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

- Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

- Điều 6 Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; quy định tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có

Mẫu số 04- ĐXPA**Đề xuất phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân**

(Kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày..... tháng năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Quyết định số.....ngày...tháng....năm... về tịch thu tài sản/Quyết định số ngày... tháng....năm...về xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định số.....ngày....tháng....năm.....về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/Hợp đồng tặng cho số.....ngày....tháng....nămhoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự.*

I. Cơ quan, đơn vị đề xuất phương án xử lý tài sản:.....**II. Nội dung đề xuất phương án xử lý tài sản:****1. Thông tin về tài sản:**

- Chung loại, số lượng, chất lượng tài sản, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất, nước sản xuất....

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định số..... ngày... tháng.... năm... về tịch thu tài sản/Quyết định số ngày... tháng.... năm ... về xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định số.....ngày.... tháng.... năm..... về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/Hợp đồng tặng cho số.....ngày.... tháng.... năm..... hoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự.

2. Giá trị tài sản (nếu có):**3. Đề xuất hình thức xử lý tài sản:****4. Đề xuất cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp xử lý tài sản:**

5. Đề xuất thời hạn xử lý:

6. Đề xuất chi phí xử lý:

7. Đề xuất quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản:

8. Các nội dung khác (nếu có).

* Trường hợp tổng hợp tài sản của nhiều Quyết định tịch thu/Quyết định xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định xác lập thì các chỉ tiêu này có thể tổng hợp tại biểu.

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 05-PA**Phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân**

(Kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN**XỬ LÝ TÀI SẢN XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Quyết định số.....ngày...tháng...năm ... về tịch thu tài sản/Quyết định số ngày....tháng....năm..... về xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định số....ngày....tháng....năm.... về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/Hợp đồng tặng cho số....ngày....tháng....năm.... hoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự;*

Trên cơ sở đề xuất phương án xử lý tài sản của đơn vị chủ trì quản lý tài sản/cơ quan cấp trên của đơn vị chủ trì quản lý tài sản (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan cấp trên); cơ quan quản lý tài sản công lập phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân với các nội dung chính sau:

1. Thông tin về tài sản:

- Chung loại, số lượng, chất lượng tài sản, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất, nước sản xuất...

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định số..... ngày....tháng.... năm... về tịch thu tài sản/Quyết định số.....ngày....tháng....năm..... về xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định số.....ngày.... tháng.... năm.... về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/Hợp đồng tặng cho số..... ngày.... tháng.... năm.... hoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự.

2. Giá trị tài sản (nếu có):

3. Hình thức xử lý tài sản:

4. Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp xử lý tài sản:

5. Thời hạn xử lý:

6. Chi phí xử lý:

7. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản:

8. Các nội dung khác (nếu có).

* Trường hợp tổng hợp tài sản của nhiều Quyết định tịch thu/Quyết định về xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định xác lập thì các chỉ tiêu này có thể tổng hợp tại biểu.

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

3. Thủ tục: Giao tài sản là gỗ, thực vật ngoài gỗ cho cơ quan quản lý chuyên ngành

3.1. Trình tự thực hiện:

a) *Thời gian thực hiện:* Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) *Địa điểm thực hiện:*

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa (Số 49 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá): đối với trường hợp tài sản là tang vật theo khoản 3 Điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

- Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa (Số 01A15 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá): đối với trường hợp tài sản là vật chứng theo khoản 3 Điều 20 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

c) *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Xây dựng Hồ sơ

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản (đối với vụ việc tài sản >100 triệu) Cơ quan Kiểm lâm sở tại xây dựng 01 bộ hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản gửi Chi cục Kiểm lâm, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

- Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 05- PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính;

- Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản sao.

- Văn bản của cơ quan quản lý chuyên ngành đề nghị được tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT: bản chính.

Bước 2: Thẩm định hồ sơ

- Trường hợp 1: Tài sản là tang vật theo khoản 3 Điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm xây dựng phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, lập 01 bộ hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, hồ sơ gồm:

+ Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân: bản chính; kèm theo dự thảo Quyết định về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

+ Phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

+ Hồ sơ tương ứng quy định tại bước 1: bản sao.

- Trường hợp 2: Tài sản là Vật chứng theo khoản 3 Điều 20 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Chi cục Kiểm lâm xây dựng phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, lập 01 bộ hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, hồ sơ gồm:

+ Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân: bản chính; kèm theo dự thảo Quyết định về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

+ Phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

+ Hồ sơ tương ứng quy định tại bước 1: bản sao.

Bước 3: Quyết định phê duyệt

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Tài chính/Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

Bước 4: Bàn giao tài sản

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được phê duyệt, cơ quan Kiểm lâm sở tại tổ chức bàn giao, tiếp nhận và lập Biên bản bàn giao, tiếp nhận gỗ chuyển giao theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office).

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ của cơ quan chủ trì quản lý tài sản, gồm:

+ Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành

kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

+ Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 05- PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính;

+ Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản sao.

+ Văn bản của cơ quan quản lý chuyên ngành đề nghị được tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT: bản sao.

+ Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

- Hồ sơ của cơ quan thẩm định, gồm:

+ Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: bản chính; kèm theo dự thảo Quyết định về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

+ Phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

+ Hồ sơ tài sản tại bước 1 điểm c mục 3.1: bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính/Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan Kiểm lâm Sở tại.

- Chi cục Kiểm lâm.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Sở Tài chính.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp: Không.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

3.8. Phí, lệ phí: Không.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề xuất phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

- Phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

- Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 23 ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 10, Điều 20 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

- Điều 23 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

- Điều 3, Điều 4 Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; quy định tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có

Mẫu số 04- ĐXPA**Đề xuất phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân**

(Kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày..... tháng năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Quyết định số.....ngày...tháng...năm... về tịch thu tài sản/Quyết định số ngày... tháng.... năm... về xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định số.....ngày....tháng....năm.....về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/Hợp đồng tặng cho số.....ngày....tháng....nămhoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự.*

I. Cơ quan, đơn vị đề xuất phương án xử lý tài sản:.....**II. Nội dung đề xuất phương án xử lý tài sản:****1. Thông tin về tài sản:**

- Chung loại, số lượng, chất lượng tài sản, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất, nước sản xuất....

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định số..... ngày... tháng.... năm... về tịch thu tài sản/Quyết định số ngày... tháng.... năm ... về xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định số.....ngày.... tháng.... năm..... về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/Hợp đồng tặng cho số.....ngày.... tháng.... năm..... hoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự.

2. Giá trị tài sản (nếu có):**3. Đề xuất hình thức xử lý tài sản:****4. Đề xuất cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp xử lý tài sản:****5. Đề xuất thời hạn xử lý:**

6. Đề xuất chi phí xử lý:

7. Đề xuất quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản:

8. Các nội dung khác (nếu có).

* Trường hợp tổng hợp tài sản của nhiều Quyết định tịch thu/Quyết định xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định xác lập thì các chỉ tiêu này có thể tổng hợp tại biểu.

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 05-PA**Phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân**

(Kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****PHƯƠNG ÁN****XỬ LÝ TÀI SẢN XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Quyết định số.....ngày...tháng...năm ... về tịch thu tài sản/Quyết định số ngày...tháng...năm..... về xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định số.....ngày...tháng...năm.... về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/Hợp đồng tặng cho số.....ngày...tháng...năm.... hoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự;*

Trên cơ sở đề xuất phương án xử lý tài sản của đơn vị chủ trì quản lý tài sản/cơ quan cấp trên của đơn vị chủ trì quản lý tài sản (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan cấp trên); cơ quan quản lý tài sản công lập phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân với các nội dung chính sau:

1. Thông tin về tài sản:

- Chung loại, số lượng, chất lượng tài sản, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất, nước sản xuất...

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định số..... ngày....tháng.... năm... về tịch thu tài sản/Quyết định số.....ngày....tháng....năm..... về xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định số.....ngày.... tháng.... năm..... về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/Hợp đồng tặng cho số..... ngày.... tháng.... năm.... hoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự.

2. Giá trị tài sản (nếu có):**3. Hình thức xử lý tài sản:****4. Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp xử lý tài sản:**

5. Thời hạn xử lý:

6. Chi phí xử lý:

7. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản:

8. Các nội dung khác (nếu có).

* Trường hợp tổng hợp tài sản của nhiều Quyết định tịch thu/Quyết định về xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định xác lập thì các chỉ tiêu này có thể tổng hợp tại biểu.

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 23**Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản**

(Kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản;
xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)

.....
.....
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đề nghị được tiếp
nhận tài sản là

Kính gửi:.....

Chúng tôi được biết (2) là cơ quan chủ trì quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là (3)

Căn cứ quy định tại Thông tư số:...../2025/TT-BNNMT ngày...../.../2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. Chúng tôi đề nghị được tiếp nhận tài sản là ... nêu trên để sử dụng....(4)

Chúng tôi cam kết sử dụng tài sản được bàn giao theo đúng mục đích và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để thất thoát tài sản được giao.

Trân trọng cảm ơn Quý cơ quan./.

CHỨC VỤ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan đề nghị giao.
- (2) Tên cơ quan chủ trì quản lý tài sản.
- (3) Ghi tên loại tài sản đề nghị giao.
- (4) Mục đích theo quy định tại điểm c, điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

4. Thủ tục: Giao, điều chuyển cho cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng đối với gỗ, thực vật ngoài gỗ không thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I, Phụ lục I CITES

4.1. Trình tự thực hiện:

a) *Thời gian thực hiện:* Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) *Địa điểm thực hiện:*

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (Số 49 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá): đối với trường hợp tài sản là tang vật theo khoản 3 Điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

- Sở Tài chính (Số 01A15 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá): đối với trường hợp tài sản là vật chứng theo khoản 3 Điều 20 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

c) *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Xây dựng hồ sơ

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản (đối với vụ việc tài sản >100 triệu) Cơ quan Kiểm lâm sở tại xây dựng 01 bộ hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản gửi Chi cục Kiểm lâm, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

- Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 05- PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính;

- Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản sao.

- Văn bản của Vườn Quốc Gia, Khu bảo tồn, Cơ sở đa dạng sinh học đề nghị được tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT: bản chính.

Bước 2: Thẩm định hồ sơ

- Trường hợp 1: Tài sản là Tang vật theo khoản 3 Điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thẩm định phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, lập 01 bộ hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản trình Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân: bản chính; kèm theo dự thảo Quyết định về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

+ Phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

+ Hồ sơ tương ứng quy định tại bước 1: bản sao.

-Trường hợp 2: Tài sản là Vật chứng theo khoản 3 Điều 20 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thẩm định phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân lập 01 bộ hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Sở Tài chính.

+ Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân: bản chính; kèm theo dự thảo Quyết định về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

+ Phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

+ Hồ sơ tương ứng quy định tại bước 1: bản sao.

Bước 3: Quyết định phê duyệt

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường/Sở Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

Bước 4: Bàn giao tài sản

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được phê duyệt, Cơ quan Kiểm lâm sở tại tổ chức bàn giao, tiếp nhận và lập Biên bản bàn giao, tiếp nhận gỗ chuyển giao theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office).

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ của cơ quan Kiểm lâm Sở tại, gồm:

+ Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành

kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

+ Phương án xử lý tài sản do cơ quan Kiểm lâm sở tại lập theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính;

+ Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản sao.

+ Văn bản của cơ quan quản lý chuyên ngành đề nghị được tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT: bản sao.

+ Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

- Hồ sơ của cơ quan thẩm định, gồm:

+ Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: bản chính; kèm theo dự thảo Quyết định về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

+ Phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

+ Hồ sơ tài sản tại bước 1 điểm c mục 4.1: bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan Kiểm lâm sở tại.

- Chi cục Kiểm lâm.

- Vườn Quốc Gia, Khu bảo tồn, Cơ sở đa dạng sinh học.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Sở Tài chính.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Sở Tài chính.

- Cơ quan phối hợp: Không.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

4.8. Phí, lệ phí: Không.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề xuất phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

- Phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

- Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 23 ban hành kèm Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 10, Điều 20 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

- Điều 23 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

- Điều 3, Điều 4 Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; quy định tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có

Mẫu số 04- ĐXPA**Đề xuất phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân**

(Kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày..... tháng năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Quyết định số.....ngày...tháng...năm... về tịch thu tài sản/Quyết định số ngày... tháng... năm... về xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định số.....ngày....tháng....năm..... về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/Hợp đồng tặng cho số.....ngày....tháng....nămhoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự.*

I. Cơ quan, đơn vị đề xuất phương án xử lý tài sản:.....**II. Nội dung đề xuất phương án xử lý tài sản:****1. Thông tin về tài sản:**

- Chung loại, số lượng, chất lượng tài sản, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất, nước sản xuất....

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định số..... ngày... tháng.... năm... về tịch thu tài sản/Quyết định số ngày... tháng.... năm ... về xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định số.....ngày.... tháng.... năm..... về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/Hợp đồng tặng cho số.....ngày.... tháng.... năm..... hoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự.

2. Giá trị tài sản (nếu có):**3. Đề xuất hình thức xử lý tài sản:****4. Đề xuất cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp xử lý tài sản:****5. Đề xuất thời hạn xử lý:****6. Đề xuất chi phí xử lý:**

7. Đề xuất quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản:

8. Các nội dung khác (nếu có).

* Trường hợp tổng hợp tài sản của nhiều Quyết định tịch thu/Quyết định xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định xác lập thì các chỉ tiêu này có thể tổng hợp tại biểu.

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 05-PA**Phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân**

(Kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****PHƯƠNG ÁN****XỬ LÝ TÀI SẢN XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Quyết định số.....ngày...tháng...năm ... về tịch thu tài sản/Quyết định số ngày....tháng....năm..... về xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định số.....ngày....tháng....năm.... về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/Hợp đồng tặng cho số.....ngày....tháng....năm.... hoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự*;

Trên cơ sở đề xuất phương án xử lý tài sản của đơn vị chủ trì quản lý tài sản/cơ quan cấp trên của đơn vị chủ trì quản lý tài sản (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan cấp trên); cơ quan quản lý tài sản công lập phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân với các nội dung chính sau:

1. Thông tin về tài sản:

- Chung loại, số lượng, chất lượng tài sản, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất, nước sản xuất...

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định số..... ngày....tháng.... năm... về tịch thu tài sản/Quyết định số.....ngày....tháng....năm..... về xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định số.....ngày.... tháng.... năm.... về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/Hợp đồng tặng cho số..... ngày.... tháng.... năm.... hoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự.

2. Giá trị tài sản (nếu có):**3. Hình thức xử lý tài sản:****4. Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp xử lý tài sản:****5. Thời hạn xử lý:****6. Chi phí xử lý:**

7. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản:

8. Các nội dung khác (nếu có).

* Trường hợp tổng hợp tài sản của nhiều Quyết định tịch thu/Quyết định về xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định xác lập thì các chỉ tiêu này có thể tổng hợp tại biểu.

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 23**Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản**

*(Kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý
lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)*

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đề nghị được tiếp
nhận tài sản là

Kính gửi:.....

Chúng tôi được biết (2) là cơ quan chủ trì quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là(3)

Căn cứ quy định tại Thông tư số:...../2025/TT-BNNMT ngày...../.../2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. Chúng tôi đề nghị được tiếp nhận tài sản là ... nêu trên để sử dụng....(4)

Chúng tôi cam kết sử dụng tài sản được bàn giao theo đúng mục đích và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để thất thoát tài sản được giao.

Trân trọng cảm ơn Quý cơ quan./.

CHỨC VỤ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan đề nghị giao.
- (2) Tên cơ quan chủ trì quản lý tài sản.
- (3) Ghi tên loại tài sản đề nghị giao.
- (4) Mục đích theo quy định tại điểm c, điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

5. Thủ tục: Thả động vật về môi trường tự nhiên

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm thực hiện: Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý động vật.

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Quyết định lại thả động vật về môi trường tự nhiên

Cơ quan Kiểm lâm sở tại đề nghị cơ quan Thú y hoặc cơ sở cứu hộ động vật có biên bản xác nhận tình trạng sức khỏe động vật theo mẫu 26 phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

Cơ quan Kiểm lâm sở tại liên hệ, thống nhất với chủ rừng hoặc khu bảo tồn biển nơi dự kiến tái thả trong trường hợp cơ quan, đơn vị thả không phải là chủ rừng hoặc khu bảo tồn biển nơi dự kiến tái thả.

Chủ rừng hoặc khu bảo tồn biển nơi dự kiến thả có văn bản đồng ý theo Mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT trong trường hợp cơ quan, đơn vị thả không phải là chủ rừng hoặc khu bảo tồn biển nơi dự kiến tái thả.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý động vật ban hành quyết định thả lại động vật về môi trường tự nhiên.

Bước 2: Thả động vật về môi trường tự nhiên.

Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý động vật thả lại động vật về môi trường tự nhiên.

Thành phần tham gia thả động vật về môi trường tự nhiên: Chủ rừng hoặc Vườn Quốc gia/Khu bảo tồn/Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học mời đại diện cơ quan Kiểm lâm sở tại, chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng trong trường hợp động vật là vật chứng và tổ chức, cá nhân khác có liên quan do Chủ rừng hoặc Vườn Quốc gia/Khu bảo tồn/Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học quyết định.

Ngay sau khi hoàn thành việc thả động vật về môi trường tự nhiên: Chủ rừng hoặc Vườn Quốc gia/Khu bảo tồn/Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học lập Biên bản thả động vật về môi trường tự nhiên theo Mẫu số 28 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

5.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office).

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Biên bản xác nhận tình trạng sức khỏe động vật theo Mẫu số 26 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

- Văn bản của Cơ quan Kiểm lâm thống nhất với chủ rừng hoặc khu bảo tồn biển nơi dự kiến tái thả trong trường hợp cơ quan, đơn vị thả không phải là chủ rừng hoặc khu bảo tồn biển nơi dự kiến tái thả.

- Văn bản đồng ý của chủ rừng hoặc khu bảo tồn biển nơi dự kiến tái thả theo Mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT trong trường hợp cơ quan, đơn vị thả không phải là chủ rừng hoặc khu bảo tồn biển.

- Quyết định thả lại động vật về môi trường tự nhiên của thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý động vật.

- Quyết định phê duyệt Phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. Biên bản thả động vật về môi trường tự nhiên theo Mẫu số 28 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý thả động vật của chủ rừng hoặc khu bảo tồn biển, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý động vật ban hành quyết định thả lại động vật về môi trường tự nhiên.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan Kiểm lâm sở tại.

- Chủ rừng hoặc Vườn Quốc gia/Khu bảo tồn nơi dự kiến thả.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý động vật.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý động vật.

- Cơ quan phối hợp: Không.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thả lại động vật về môi trường tự nhiên; động vật được thả về môi trường tự nhiên.

5.8. Phí, lệ phí: Không.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Biên bản xác nhận tình trạng sức khỏe của động vật/loài thủy sản theo Mẫu số 26 ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Văn bản đồng ý thả động vật/thủy sản theo Mẫu số 27 ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Biên bản thả động vật/thủy sản về môi trường tự nhiên theo Mẫu số 28 ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 23 ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 26 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có

Mẫu số 26

Biên bản xác nhận tình trạng sức khỏe của động vật/loài thủy sản

(Kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025)

của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-XNTTSKĐV

BIÊN BẢN

$$V/v: \dots\dots\dots (2)$$

Căn cứ : (3)

Hôm nay, hồi..... giờ phút, ngày...../...../20.....,

Tai:

1. Chúng tôi gồm:

a) Cơ quan xác nhận tình trạng sức khỏe của động vật/loài thủy sản:

1. Họ và tên: Chức vụ:

Cơ quan, đơn vị:

Địa chỉ cơ quan, đơn vị:

2. Họ và tên:.....Chức vụ:

Cơ quan, đơn vị:

b) Cơ quan quản lý động vật/loài thủy sản:

1. Họ và tên: Chức vụ:

Cơ quan, đơn vị:

Địa chỉ cơ quan, đơn vị :

2. Họ và tên:..... Chức vụ:

Cơ quan, đơn vị:

2. Lập biên bản xác nhận tình trạng sức khỏe của động vật/loài thủy sản, cụ thể:

TT	Tên động vật/loài thủy sản		Nhóm loài ⁽⁴⁾	Giới tính (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng hoặc trọng lượng	Kích thước	Tình trạng sức khỏe ⁽⁵⁾	Ghi chú
	Tên tiếng Việt/tên thương mại	Tên khoa học							

1									
2									
...									

Hồ sơ, tài liệu kèm theo (nếu có):

.....

3. Ý kiến khác (nếu có):.....

.....

Biên bản này được lập xong hồi...giờ...phút cùng ngày, gồm...tờ, được lập thành...bản có giá trị pháp lý như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên; mỗi bên giữ một bản để thực hiện và lưu hồ sơ./.

**CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỘNG VẬT
RỪNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

CƠ QUAN XÁC NHẬN
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan quản lý động vật rừng.
- (2) Ghi cụ thể nội dung lập biên bản: Ví dụ xác nhận tình trạng sức khỏe động vật để cứu hộ, để chuyển giao, để thả, để tiêu hủy.
- (3) Ghi căn cứ hoặc lý do để thực hiện việc xác nhận; ví dụ căn cứ quyết định tịch thu động vật/loài thủy sản hoặc quyết định tiếp nhận xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với động vật rừng/loài thủy sản hoặc quyết định xử lý vật chứng.
- (4) Nhóm IB hoặc IIB hoặc Phụ lục I hoặc Phụ lục II hoặc Phụ lục III Công ước CITES hoặc động vật rừng thông thường, loài thủy sản.
- (5) Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y, cơ sở cứu hộ động vật do Nhà nước quản lý xác nhận động vật rừng/loài thủy sản khỏe mạnh hay bị ốm, yếu đối với động vật rừng/loài thủy sản còn sống; động vật rừng/loài thủy sản thuộc trường hợp phải tiêu hủy hay không phải tiêu hủy đối với sản phẩm của động vật rừng, loài thủy sản.

Mẫu số 27**Văn bản đồng ý thả động vật/thủy sản**

(Kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)

.....
⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐY-TĐV
 V/v đồng ý thả động vật/thủy
 sản

....., ngày.....tháng.....năm 20

Kính gửi:.....⁽²⁾

Chúng tôi/Tôi là:..... địa chỉ:
;
 có diện tích rừng/mặt nước được giao là ha, tại:

Chúng tôi/Tôi đồng ý cho thả động vật rừng/thủy sản vào khu rừng/mặt nước do chúng tôi được giao và cam kết sẽ thực hiện việc bảo vệ rừng, mặt nước, bảo vệ động vật theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ... (...bản).

ĐẠI DIỆN CHỦ RỪNG/KHU BẢO TỒN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Tên chủ rừng/mặt nước là tổ chức (trường hợp chủ rừng/mặt nước là cá nhân thì không ghi mục này).

⁽²⁾ Tên cơ quan, đơn vị tổ chức thả lại động vật rừng/thủy sản về môi trường tự nhiên.

Mẫu số 28

Biên bản thả động vật/thủy sản về môi trường tự nhiên

(Ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)

..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-TĐVR

....., ngàythángnăm 20....

BIÊN BẢN

Thả lại động vật/thủy sản về môi trường tự nhiên

Căn cứ Quyết định số phê duyệt Phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Hôm nay, hồi.... giờ phút, ngày/...../20..., tại.....

Chúng tôi gồm:⁽²⁾

1. Họ và tên: Chức vụ:; Đơn vị:
2. Họ và tên: Chức vụ:; Đơn vị:
3. Họ và tên: Chức vụ:; Đơn vị:
4. Họ và tên: Chức vụ:; Đơn vị:
5. Với sự chứng kiến của (nếu có):

Họ và tên: Nghề nghiệp:.....

Nơi ở hiện nay:

Số CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu:.....; ngày cấp:...../...../..... nơi
cấp:.....

Cùng nhau tiến hành việc thả lại động vật/thủy sản về môi trường tự nhiên, cụ thể như sau:

1. Địa điểm thả:.....

2. Động vật/thủy sản thả lại về môi trường tự nhiên:

[illegible]

2									
...									

3. Kết luận, kiến nghị sau khi thả: ⁽⁴⁾

Việc thả lại động vật/thủy sản về môi trường tự nhiên kết thúc vào hồi .. giờ..... phút.....ngày.....

Biên bản này được lập xong hồi... giờ... phút cùng ngày, gồm ... tờ, được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên; mỗi bên giữ một bản để thực hiện và lưu hồ sơ./.

NGƯỜI THAM GIA THẢ ⁽⁵⁾

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ RỪNG/KHU

BẢO TỒN BIỂN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Tên đơn vị chủ trì thực hiện thả.

⁽²⁾ Ghi các thành phần tham gia thả động vật.

⁽³⁾ Nhóm IB hoặc IIB hoặc Phụ lục I hoặc Phụ lục II hoặc Phụ lục III CITES hoặc động vật rừng thông thường hoặc loài thủy sản.

⁽⁴⁾ Ghi các ý kiến về kết quả thả, về quản lý, bảo vệ sau khi thả.

⁽⁵⁾ Tất cả các thành viên khác tham gia đều ký vào biên bản.

Mẫu số 23**Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản**

(Kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý
lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)

.....
.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CV-ĐNGĐC

V/v đề nghị được tiếp nhận tài
sản là

Kính gửi:.....⁽²⁾

Chúng tôi được biết⁽²⁾ là cơ quan chủ trì quản lý tài sản được xác lập quyền
sở hữu toàn dân đối với tài sản là⁽³⁾

Căn cứ quy định tại Thông tư số:...../2025/TT-BNNMT ngày...../.../2025 của Bộ
Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài
sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. Chúng tôi đề nghị được tiếp nhận tài sản là
... nêu trên để sử dụng....⁽⁴⁾

Chúng tôi cam kết sử dụng tài sản được bàn giao theo đúng mục đích và chịu trách
nhiệm trước pháp luật nếu để thất thoát tài sản được giao.

Trân trọng cảm ơn Quý cơ quan./.

CHỨC VỤ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Tên cơ quan đề nghị giao.

⁽²⁾ Tên cơ quan chủ trì quản lý tài sản.

⁽³⁾ Ghi tên loại tài sản đề nghị giao.

⁽⁴⁾ Mục đích theo quy định tại điểm c, điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số
77/2025/NĐ-CP.

6. Thủ tục: Chuyển giao Động vật cho cơ quan quản lý chuyên ngành

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm thực hiện: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thanh Hoá (Số 03 đường Hạc Thành, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa).

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Xây dựng phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

Cơ quan Kiểm lâm sở tại gửi văn bản tới Vườn Quốc gia/Khu bảo tồn/Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị tiếp nhận tài sản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

Vườn Quốc gia/Khu bảo tồn/Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học có văn bản gửi Cơ quan Kiểm lâm sở tại về việc được tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT để sử dụng vào mục đích bảo tồn, làm mẫu nhận dạng loài, nghiên cứu khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành bảo đảm phù hợp với từng loài và điều kiện của nơi được chuyển giao.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Vườn Quốc gia/Khu bảo tồn/Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, Cơ quan Kiểm lâm sở tại lập Phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân gửi Chi cục Kiểm lâm:

- Trong trường hợp tài sản là tang vật theo khoản 3 điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: Chi cục Kiểm lâm trình Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định phê duyệt theo quy định pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công.

- Trong trường hợp tài sản là Vật chứng theo khoản 3 điều 20 nghị định số 77/2025/NĐ-CP: Chi cục Kiểm lâm báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Sở Tài chính quyết định phê duyệt theo quy định pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công.

Bước 2: Bàn giao, tiếp nhận tài sản

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được phê duyệt, Cơ quan Kiểm lâm sở tại tổ chức bàn giao, tiếp nhận và lập Biên bản bàn giao, tiếp nhận động vật chuyển giao theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

6.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office).

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của Cơ quan Kiểm lâm sở tại gửi Vườn Quốc gia/Khu bảo tồn/ Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị tiếp nhận tài sản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

- Văn bản của Vườn Quốc gia/Khu bảo tồn/ Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học gửi Cơ quan Kiểm lâm sở tại về việc được tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

- Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

- Biên bản bàn giao, tiếp nhận động vật chuyên giao theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Vườn Quốc gia/Khu bảo tồn/Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan Kiểm lâm sở tại.

- Vườn Quốc gia/Khu bảo tồn/Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Sở Tài Chính.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm.

- Cơ quan phối hợp: Không.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; Động vật được bàn giao, tiếp nhận.

6.8. Phí, lệ phí: Không.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 23 ban hành kèm theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

- Biên bản bàn giao, tiếp nhận động vật chuyên giao theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 10, Điều 20 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

- Điều 28 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

- Điều 3, Điều 4 Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; quy định tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có

Mẫu số 23**Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản**

(Kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý
lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)

.....
.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CV-ĐNGĐC

V/v đề nghị được tiếp nhận tài
sản là

Kính gửi:.....⁽²⁾

Chúng tôi được biết⁽²⁾ là cơ quan chủ trì quản lý tài sản được xác lập quyền
sở hữu toàn dân đối với tài sản là⁽³⁾

Căn cứ quy định tại Thông tư số:...../2025/TT-BNNMT ngày...../.../2025 của Bộ
Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài
sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. Chúng tôi đề nghị được tiếp nhận tài sản là
... nêu trên để sử dụng....⁽⁴⁾

Chúng tôi cam kết sử dụng tài sản được bàn giao theo đúng mục đích và chịu trách
nhiệm trước pháp luật nếu để thất thoát tài sản được giao.

Trân trọng cảm ơn Quý cơ quan./.

CHỨC VỤ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Tên cơ quan đề nghị giao.

⁽²⁾ Tên cơ quan chủ trì quản lý tài sản.

⁽³⁾ Ghi tên loại tài sản đề nghị giao.

⁽⁴⁾ Mục đích theo quy định tại điểm c, điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số
77/2025/NĐ-CP.

Mẫu số 07-BBGN**Biên bản bàn giao, tiếp nhận động vật chuyển giao**

(Kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN****Bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân**

Số:/...⁽¹⁾/BBCG-....⁽²⁾

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày/.../2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ⁽³⁾;

Hôm nay, ngày.... tháng.... năm....., tại....., chúng tôi gồm:

A. Đại diện bên giao⁽⁴⁾:

1. Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

2. Ông, bà:, chức vụ.....

Cơ quan:.....

B. Đại diện bên nhận⁽⁵⁾:

1. Ông, bà:, chức vụ.....

Cơ quan:.....

2. Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:

C. Đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý⁽⁶⁾:

1. Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:

2. Ông, bà:, chức vụ

Cơ quan:

D. Đại diện cơ quan quản lý tài sản công (nếu cần):

1. Ông, bà:, chức vụ

Cơ quan:

2. Ông, bà:, chức vụ

Cơ quan:

Cùng nhau tiến hành bàn giao, tiếp nhận đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân như sau:

I. Tài sản bàn giao, tiếp nhận:

1. Chung loại, số lượng, hiện trạng tài sản bàn giao:

STT	Tên tài sản	Nhãn hiệu (nếu có)	Số đăng ký (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị tài sản (nếu có)	Tình trạng chất lượng

2. Danh mục các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản⁽⁷⁾:

.....

.....

II. Trách nhiệm của các bên:

1. Bên giao có trách nhiệm bàn giao đầy đủ tài sản và hồ sơ tài sản nêu tại Mục I Biên bản này.

2. Bên nhận có trách nhiệm:

- Tiếp nhận các tài sản và hồ sơ tài sản nêu tại Mục I Biên bản này theo Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền;
- Thực hiện việc quản lý, xử lý tài sản theo đúng quy định của pháp luật chuyên ngành (trong trường hợp tiếp nhận tài sản để quản lý, xử lý);
- Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật (trong trường hợp tiếp nhận tài sản để quản lý, sử dụng).

III. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao:

.....

Biên bản đã được các bên cùng nhất trí thông qua và được lập thành 05 bản, bên giao giữ 02 bản, bên nhận giữ 02 bản, bên chứng kiến giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN QUẢN LÝ
CHUYÊN NGÀNH BẢO QUẢN
TÀI SẢN TRONG THỜI GIAN
CHỜ XỬ LÝ⁽⁵⁾**

(Ký tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN QUẢN LÝ
TÀI SẢN CÔNG**

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Năm tiến hành bàn giao.
- (2) Chữ viết tắt tên cơ quan bàn giao tài sản.
- (3) Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.
- (4) Đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu thì đại diện bên giao phải có sự tham gia của thủ trưởng cơ quan thi hành án hoặc người được thủ trưởng cơ quan thi hành án ủy quyền, kế toán, thủ kho.
- (5) Đối với tài sản chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành thì đại diện bên nhận là cơ quan quản lý chuyên ngành được giao tài sản để quản lý, xử lý tài sản.
- (6) Chỉ kê trong trường hợp tài sản chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành.
- (7) Đối với từng loại hồ sơ, giấy tờ phải ghi rõ bản chính hay bản sao.

III. Lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư

1. Thủ tục: Tiếp nhận, xác lập thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm thực hiện: Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa (Số 01A15 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa).

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Nộp, tiếp nhận hồ sơ

Chủ sở hữu thông báo tới: Trạm Kiểm ngư phụ trách khu vực; kèm theo hồ sơ, giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với thực vật, động vật tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

Trạm Kiểm ngư phụ trách khu vực lập Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

Bước 2: Xây dựng hồ sơ

Trường hợp xác định việc tiếp nhận tài sản chuyển giao là phù hợp với quy định của pháp luật thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày tiếp nhận tài sản và các hồ sơ, tài liệu liên quan, Trạm Kiểm ngư lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP báo cáo, đề xuất Chi cục Biển đảo và Thủy sản; Chi cục Biển đảo và Thủy sản đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Sở Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: Bản chính.
- Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.
- Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, giá trị của tài sản chuyển giao và hình thức chuyển giao (nếu có): bản sao.

Bước 3: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại bước 2 này, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập 01 bộ hồ sơ trình Sở Tài chính xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, hồ sơ gồm:

- Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản chính; kèm

theo dự thảo Quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản tại Mẫu số 01-QĐXL ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

- Hồ sơ quy định tại bước 2: bản sao.

Bước 4: Quyết định phê duyệt

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính xem xét quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ tại Trạm Kiểm ngư/Chi cục Biển đảo và Thủy sản, gồm:

+ Văn bản đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: Bản chính.

+ Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT: bản sao.

+ Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, giá trị của tài sản chuyển giao và hình thức chuyển giao (nếu có): bản sao.

- Hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, gồm:

+ Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản chính; kèm theo dự thảo Quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản tại Mẫu số 01-QĐXL ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

+ Văn bản đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản sao.

+ Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT: bản sao.

+ Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, giá trị của tài sản chuyển giao và hình thức chuyển giao (nếu có): bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Trạm Kiểm ngư, Chi cục Biển đảo và Thủy sản.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài chính.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính.
- Cơ quan phối hợp: Không.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 43 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

- Điều 21 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

- Điều 5 Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; quy định tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có

Mẫu số 22**Biên bản bàn giao, tiếp nhận thực vật/động vật/thủy sản**

(Kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý
lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

.....
.....
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-BGTN

BIÊN BẢN**Bàn giao, tiếp nhận thực vật rừng/động vật rừng/thủy sản**

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-BNNMT ngày .../.../2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ ⁽¹⁾

Hôm nay, hồi..... giờ phút, ngày/...../20....., tại:

1. Chúng tôi gồm:**a) Đại diện bên giao:**

1. Họ và tên: Chức vụ:

Địa chỉ cá nhân:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Cơ quan, đơn vị:

Địa chỉ cơ quan, đơn vị:

2. Họ và tên: Chức vụ:

Cơ quan, đơn vị:

b) Đại diện bên nhận:

1. Họ và tên: Chức vụ:

Cơ quan, đơn vị:

Địa chỉ cơ quan, đơn vị:

2. Họ và tên: Chức vụ:

Cơ quan, đơn vị:

c) Người chứng kiến (nếu có):

1. Họ và tên: Chức vụ:

Địa chỉ cá nhân:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

2. Tài sản bàn giao, tiếp nhận:

TT	Tên thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản giao nhận (bao gồm cá thể hoặc sản phẩm của chúng)		Nhóm loài ⁽²⁾	Giới tính (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng hoặc trọng lượng	Kích thước	Tình trạng của thực vật, động vật rừng, thủy sản ⁽³⁾	Ghi chú
	Tên tiếng việt/tên thương mại	Tên khoa học							
1									
2									
...									

Hồ sơ, tài liệu kèm theo (nếu có):

3. Mục đích giao nhận⁽⁴⁾:**4. Trách nhiệm của các bên⁽⁵⁾:**

a) Trách nhiệm của bên giao:.....

b) Trách nhiệm của bên nhận:.....

Biên bản này lập hồi... giờ... phút cùng ngày, gồm... tờ, được lập thành... bản có giá trị pháp lý như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên; mỗi bên giữ một bản để thực hiện và lưu hồ sơ./

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ghi căn cứ hoặc lý do để thực hiện việc giao/nhận; ví dụ căn cứ quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, thông báo của chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước.

⁽²⁾ Nhóm IB hoặc IIB hoặc Phụ lục I hoặc Phụ lục II Công ước CITES hoặc động vật rừng thông thường.

⁽³⁾ Ghi tình trạng sức khỏe đối với thực vật, động vật rừng, thủy sản còn sống; tình trạng vệ sinh môi trường đối với sản phẩm của động vật rừng, thủy sản.

⁽⁴⁾ Ghi cụ thể mục đích, lý do giao/nhận.

⁽⁵⁾ Ghi trách nhiệm của 2 bên về việc bảo quản, quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc, xử lý.

2. Thủ tục: Phê duyệt phương án xử lý loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa (Số 49 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa).

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Xây dựng hồ sơ

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, Trạm Kiểm ngư xây dựng 01 bộ hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản, gửi Chi cục Biển đảo và Thủy sản, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính;

- Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 05- PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính;

- Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản sao;

- Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): bản chính;

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

Bước 2: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chi cục Biển đảo và Thủy sản có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ xử lý tài sản để trình Sở Nông nghiệp và Môi trường, hồ sơ gồm:

- Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: Bản chính;

- Phương án xử lý tài sản công lập theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính;

- Hồ sơ quy định tại bước 1 mục này: Bản sao.

Bước 3: Quyết định phê duyệt

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm

quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ cơ quan tiếp nhận tài sản, gồm:

+ Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính;

+ Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính;

+ Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản sao;

+ Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): bản chính;

+ Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

- Hồ sơ của cơ quan thẩm định, gồm:

+ Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản công về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: bản chính;

+ Phương án xử lý tài sản công lập theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính;

+ Hồ sơ quy định tại bước 1 điểm c mục 1.1: bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Trạm Kiểm ngư.

- Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề xuất phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

- Phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 47 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

- Điều 21 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

- Điều 6 Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; quy định tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có

Mẫu số 04-ĐXPA**Đề xuất phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân**

(Kèm theo Nghị định 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày..... tháng năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Quyết định số.....ngày...tháng...năm... về tịch thu tài sản/Quyết định số ngày... tháng... năm... về xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định số.....ngày...tháng...năm..... về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/Hợp đồng tặng cho số.....ngày...tháng...nămhoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự.*

I. Cơ quan, đơn vị đề xuất phương án xử lý tài sản:.....**II. Nội dung đề xuất phương án xử lý tài sản:****1. Thông tin về tài sản:**

- Chung loại, số lượng, chất lượng tài sản, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất, nước sản xuất....

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định số..... ngày... tháng.... năm... về tịch thu tài sản/Quyết định số ngày... tháng.... năm ... về xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định số.....ngày... tháng.... năm..... về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/Hợp đồng tặng cho số.....ngày... tháng.... năm..... hoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự.

2. Giá trị tài sản (nếu có):**3. Đề xuất hình thức xử lý tài sản:****4. Đề xuất cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp xử lý tài sản:****5. Đề xuất thời hạn xử lý:****6. Đề xuất chi phí xử lý:****7. Đề xuất quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản:****8. Các nội dung khác (nếu có).**

* Trường hợp tổng hợp tài sản của nhiều Quyết định tịch thu/Quyết định xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định xác lập thì các chỉ tiêu này có thể tổng hợp tại biểu.

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 05-PA**Phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân**

(Kèm theo Nghị định 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****PHƯƠNG ÁN****XỬ LÝ TÀI SẢN XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Quyết định số.....ngày...tháng...năm ... về tịch thu tài sản/Quyết định số ngày....tháng....năm..... về xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định số....ngày....tháng....năm.... về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/Hợp đồng tặng cho số....ngày....tháng....năm.... hoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự;*

Trên cơ sở đề xuất phương án xử lý tài sản của đơn vị chủ trì quản lý tài sản/cơ quan cấp trên của đơn vị chủ trì quản lý tài sản (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan cấp trên); cơ quan quản lý tài sản công lập phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân với các nội dung chính sau:

1. Thông tin về tài sản:

- Chung loại, số lượng, chất lượng tài sản, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất, nước sản xuất...

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định số..... ngày....tháng.... năm... về tịch thu tài sản/Quyết định số.....ngày....tháng....năm..... về xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định số.....ngày.... tháng.... năm.... về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/Hợp đồng tặng cho số..... ngày.... tháng.... năm.... hoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự.

2. Giá trị tài sản (nếu có):**3. Hình thức xử lý tài sản:****4. Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp xử lý tài sản:**

5. Thời hạn xử lý:

6. Chi phí xử lý:

7. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản:

8. Các nội dung khác (nếu có).

* Trường hợp tổng hợp tài sản của nhiều Quyết định tịch thu/Quyết định về xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định xác lập thì các chỉ tiêu này có thể tổng hợp tại biểu.

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP XÃ

I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM

1. Thủ tục: Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với tổ chức

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Xây dựng phương án đấu giá cho thuê rừng

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày kế hoạch cho thuê rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Phòng Kinh tế/Kinh tế, hạ tầng và Đô thị xây dựng phương án đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

Bước 2: Phê duyệt phương án đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của Phòng Kinh tế/Kinh tế, hạ tầng và Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt phương án và giá khởi điểm cho thuê rừng (giá khởi điểm cho thuê rừng được phê duyệt là căn cứ để thực hiện việc đấu giá cho thuê rừng); trường hợp không phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Ký hợp đồng dịch vụ đấu giá cho thuê rừng

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt giá khởi điểm cho thuê rừng, Phòng Kinh tế/Kinh tế, hạ tầng và Đô thị ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với tổ chức đấu giá tài sản theo phương án đã được phê duyệt để thực hiện việc đấu giá cho thuê rừng.

Bước 4: Tổ chức đấu giá cho thuê rừng

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng đấu giá cho thuê rừng, tổ chức đấu giá tài sản đã được ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản có trách nhiệm thực hiện trình tự, thủ tục đấu giá cho thuê rừng theo quy định của pháp luật về đấu giá và pháp luật có liên quan.

Bước 5: Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đấu giá, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá cho thuê rừng.

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá cho thuê rừng, tổ chức trúng đấu giá cho thuê rừng có trách nhiệm hoàn thành việc nộp tiền thuê rừng vào Kho bạc Nhà nước và chuyển chứng từ đã hoàn thành nộp tiền cho Phòng Kinh tế/Kinh tế, hạ tầng và Đô thị để thực hiện trình tự, thủ tục cho thuê rừng đồng thời với cho thuê đất.

Trường hợp quá thời gian quy định phải hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê rừng, tổ chức trúng đấu giá không nộp đủ tiền theo kết quả trúng đấu giá, Phòng Kinh tế/Kinh tế, hạ tầng và Đô thị trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hủy công nhận kết quả trúng đấu giá.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ phê duyệt phương án đấu giá cho thuê rừng: Phương án đấu giá cho thuê rừng theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Hồ sơ công nhận kết quả đấu giá để trình cấp có thẩm quyền cho thuê rừng, gồm:

- + Kết quả đấu giá;
- + Biên bản đấu giá;
- + Danh sách người trúng đấu giá;
- + Thông báo hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 53 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt kết quả đấu giá cho thuê rừng đối với tổ chức.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan phối hợp: Không.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với tổ chức.

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phương án đấu giá cho thuê rừng theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

- Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có

Mẫu số 01**Phương án đấu giá cho thuê rừng**

(Kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm)

**CƠ QUAN XÂY DỰNG
PHƯƠNG ÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN**Đấu giá cho thuê rừng****I. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN****II. THÔNG TIN KHU RỪNG ĐẤU GIÁ****1. Vị trí, diện tích khu rừng đấu giá**

- Vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính):.....
- Diện tích (ha):
- Hiện trạng:.....
- Trữ lượng (m3):
- Loài cây (rừng trồng):.....Năm trồng:.....

2. Mục đích, hình thức (cho thuê rừng), thời hạn sử dụng rừng

- Mục đích sử dụng rừng:.....
- Hình thức:.....
- Thời hạn sử dụng:.....

III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐẤU GIÁ**1. Dự kiến thời gian tổ chức thực hiện đấu giá:.....****2. Đối tượng, điều kiện được tham gia đấu giá, mức phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá:**

- Đối tượng:.....
- Điều kiện được tham gia đấu giá:.....
- Mức phí tham gia đấu giá:.....
- Khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá:.....

3. Hình thức và phương thức tổ chức đấu giá

- Hình thức tổ chức đấu giá:.....
- Phương thức tổ chức đấu giá:.....

4. Kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá

- Kinh phí thực hiện:.....

- Nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá:.....

5. Dự kiến giá trị thu được và đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả đấu giá:

- Dự kiến giá trị thu:

- Đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả bán đấu giá.

6. Phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan xây dựng phương án đấu giá.

2. Tổ chức được lựa chọn thực hiện cuộc bán đấu giá.

3. Các cơ quan có liên quan.....

4. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA CƠ QUAN XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN
 (Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

2. Thủ tục: Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định).

b) Địa điểm thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Xây dựng phương án đấu giá cho thuê rừng

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày kế hoạch cho thuê rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Phòng Kinh tế/Kinh tế, hạ tầng và Đô thị xây dựng phương án đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

Bước 2: Phê duyệt phương án đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của Phòng Kinh tế/Kinh tế, hạ tầng và Đô thị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt phương án và giá khởi điểm cho thuê rừng (giá khởi điểm cho thuê rừng được phê duyệt là căn cứ để thực hiện việc đấu giá cho thuê rừng); trường hợp không phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Ký hợp đồng dịch vụ đấu giá cho thuê rừng

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt giá khởi điểm cho thuê rừng, Phòng Kinh tế/Kinh tế, hạ tầng và Đô thị ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với tổ chức đấu giá tài sản theo phương án đã được phê duyệt để thực hiện việc đấu giá cho thuê rừng.

Bước 4: Tổ chức đấu giá cho thuê rừng

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng đấu giá cho thuê rừng, tổ chức đấu giá tài sản đã được ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản có trách nhiệm thực hiện trình tự, thủ tục đấu giá cho thuê rừng theo quy định của pháp luật về đấu giá và pháp luật có liên quan.

Bước 5: Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng

Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đấu giá, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá cho thuê rừng.

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá cho thuê rừng, hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá cho thuê

rừng có trách nhiệm hoàn thành việc nộp tiền thuê rừng vào Kho bạc Nhà nước và chuyển chứng từ đã hoàn thành nộp tiền cho Phòng Kinh tế/Kinh tế, hạ tầng và Đô thị để thực hiện trình tự, thủ tục cho thuê rừng đồng thời với cho thuê đất.

Trường hợp quá thời gian quy định phải hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê rừng, hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá không nộp đủ tiền theo kết quả trúng đấu giá, Phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hủy công nhận kết quả trúng đấu giá.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ phê duyệt phương án đấu giá cho thuê rừng: Phương án đấu giá cho thuê rừng theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Hồ sơ công nhận kết quả đấu giá để trình cấp có thẩm quyền cho thuê rừng, gồm:

- Kết quả đấu giá;
- Biên bản đấu giá;
- Danh sách người trúng đấu giá;
- Thông báo hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 53 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt kết quả đấu giá cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan phối hợp: Không.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân.

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phương án đấu giá cho thuê rừng theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo: Có

Mẫu số 01**Phương án đấu giá cho thuê rừng**

(Kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm)

**CƠ QUAN XÂY DỰNG
PHƯƠNG ÁN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN
Đấu giá cho thuê rừng**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

II. THÔNG TIN KHU RỪNG ĐẤU GIÁ

1. Vị trí, diện tích khu rừng đấu giá

- Vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính):.....
- Diện tích (ha):
- Hiện trạng:.....
- Trữ lượng (m3):
- Loài cây (rừng trồng):..... Năm trồng:.....

2. Mục đích, hình thức (cho thuê rừng), thời hạn sử dụng rừng

- Mục đích sử dụng rừng:.....
- Hình thức:.....
- Thời hạn sử dụng:.....

III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐẤU GIÁ

1. Dự kiến thời gian tổ chức thực hiện đấu giá:.....

2. Đối tượng, điều kiện được tham gia đấu giá, mức phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá:

- Đối tượng:.....
- Điều kiện được tham gia đấu giá:.....
- Mức phí tham gia đấu giá:.....
- Khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá:.....

3. Hình thức và phương thức tổ chức đấu giá

- Hình thức tổ chức đấu giá:.....
- Phương thức tổ chức đấu giá:.....

4. Kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá

- Kinh phí thực hiện:.....
- Nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá:.....

5. Dự kiến giá trị thu được và đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả đấu giá:

- Dự kiến giá trị thu:

- Đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả bán đấu giá.

6. Phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan xây dựng phương án đấu giá.

2. Tổ chức được lựa chọn thực hiện cuộc bán đấu giá.

3. Các cơ quan có liên quan.....

4. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)